

Số: 09/NQ-HĐND

Long Thành, ngày 29 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương
năm 2026 trên địa bàn phường Long Thành (đợt 1)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG LONG THÀNH
KHÓA I - KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Trên cơ sở Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Long Thành (nay là phường Long Thành) về dự toán thu ngân sách Nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Xét Tờ trình số 113/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường về điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn phường Long Thành (đợt 1); Báo cáo thẩm tra số 22/BC-KTNS ngày 28 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn phường Long Thành (đợt 1), cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh dự toán thu: 121.657 triệu đồng, trong đó:

Đơn vị tính: triệu đồng.

- Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Thành phố:	26.645
- Thu chuyển nguồn từ năm 2025 sang năm 2026:	58.541
- Thu kết dư năm 2025 chuyển sang năm 2026:	36.471

2. Điều chỉnh dự toán chi là: 121.657 triệu đồng, trong đó:

Đơn vị tính: triệu đồng.

a. Chi đầu tư phát triển:	16.873
b. Chi thường xuyên:	69.507

<i>Bao gồm:</i>	
+ Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề:	5.381
+ Chi sự nghiệp KH-CN:	0
+ Chi an ninh - quốc phòng:	1.101
+ Chi sự nghiệp y tế:	6.113
+ Chi sự nghiệp VHTT:	88,8
+ Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình:	389
+ Chi sự nghiệp thể dục thể thao:	359
+ Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	688
+ Chi sự nghiệp giao thông:	44
+ Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính:	183
+ Chi quản lý hành chính:	6.338
+ Chi đảm bảo xã hội:	15.472
+ Chi khác ngân sách:	33.349
c. Chi dự phòng 2026 giao: 13.921 triệu đồng. <i>Trong đó điều chỉnh giảm:</i>	-1.956
- Để tăng sự nghiệp An ninh – quốc phòng	1.101
- Để tăng sự nghiệp Quản lý hành chính	855
d. Nguồn CCTL:	37.233

(Chi tiết theo các phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm triển khai và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phường có trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường giám sát và vận động nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân phường Long Thành khóa I nhiệm kỳ 2026 - 2031, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2026 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân phường thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND, UBND thành phố;
- VP.ĐDBQH&HĐND; VP. UBND thành phố;
- TT. Đảng ủy, TT. HĐND, UBND phường;
- Các cơ quan Đảng;
- Các vị đại biểu HĐND phường;
- Các phòng, đơn vị phường;
- UB.MTTQ phường, các Đoàn thể;
- Các Ban HĐND phường;
- Trung tâm dịch vụ tổng hợp (đưa tin);
- Phòng VHXXH phường (đưa trang thông tin điện tử);
- Bí thư, Trưởng khu phố; Hiệu trưởng các trường;
- Lưu.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Nguyên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG LONG THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG LONG THÀNH
NĂM 2026 (ĐỢT 1)**

*(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2026
của Hội đồng nhân dân phường)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2026	Điều chỉnh (đợt 1)	Tổng dự toán năm 2026 sau điều chỉnh	Ghi chú
A	Tổng thu ngân sách cấp phường	1.004.800	-	1.004.800	
	Thu nội địa trừ tiền SDD	654.800	-	654.800	
1	Thuế công thương nghiệp, NQD	392.000	-	392.000	
	- Thuế GTGT	304.680		304.680	
	- Thuế TTDB	270		270	
	- Thuế TNDN	87.000		87.000	
	- Thuế tài nguyên	50		50	
2	Thuế thu nhập cá nhân	152.000		152.000	
3	Lệ phí trước bạ	76.000		76.000	
	<i>Trong đó, cân đối lệ phí trước bạ</i>	<i>76.000</i>		<i>76.000</i>	
4	Phí và lệ phí	7.300		7.300	
	<i>Trong đó, cân đối phí lệ phí</i>	<i>3.700</i>		<i>3.700</i>	
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.000		5.000	
6	Tiền Thuê đất	500		500	
	<i>Trong đó, cân đối tiền thuê đất</i>	<i>500</i>		<i>500</i>	
7	Thu tiền sử dụng đất	350.000		350.000	
	<i>Trong đó, thu tiền sử dụng đất trong dân</i>	<i>350.000</i>		<i>350.000</i>	
8	Thu khác	22.000		22.000	
	<i>Trong đó cân đối thu khác ngân sách</i>	<i>8.000</i>		<i>8.000</i>	
B	Tổng thu ngân sách địa phương	646.677	121.657	768.334	

1	Các khoản thu theo phân cấp	604.401	-	604.401	
	<i>Thu phường hưởng 100%</i>	<i>92.750</i>	-	<i>92.750</i>	
	<i>Thu phường hưởng tỷ lệ</i>	<i>511.651</i>	-	<i>511.651</i>	
2	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách TP	42.276	-	42.276	
3	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách TP	-	26.645	26.645	
4	Thu chuyên nguồn	-	58.541	58.541	
5	Thu kết dư	-	36.471	36.471	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG LONG THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG LONG THÀNH
NĂM 2026 (ĐỢT 1)**

*(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2026
của Hội đồng nhân dân phường)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Dự toán năm 2026	Tổng điều chỉnh	Tổng dự toán năm 2026 sau điều chỉnh
	Tổng chi NSDP	646.677	121.657	768.334
A	Chi cân đối NSDP	646.677	121.657	768.334
I	Chi đầu tư:	328.171	16.873	345.044
	- Chi XDCB từ nguồn vốn tập trung	28.757	0	28.757
	- Chi XDCB từ nguồn tiền sử dụng đất	280.000	0	280.000
	- Chi từ nguồn vốn XSKT	19.414	0	19.414
	- Chi chuyển nguồn sang năm sau đối với kế hoạch vốn đầu tư công		16.873	16.873
II	Chi thường xuyên:	304.585	69.507	374.092
1	Chi SN giáo dục đào tạo và dạy nghề	184.805	5.381	190.186
1.1	Chính sách về Giáo dục, khác	182.533	4.612	187.144
1.1.1	Khối Mầm non - Mẫu giáo	30.126	677,6	30.804
	MN Lộc An	2.809	143,8	2.953
	MG Suối Trầu	2.475	68,0	2.543
	MN Bình Sơn	8.149	94,4	8.243
	MN Hoa Mai	5.272	33,0	5.305
	MN Long An	5.447	246,0	5.693
	MN Long Thành	5.974	92,4	6.066
1.1.2	Khối Tiểu học	74.060	1.727,2	75.787
	TH Lộc An	6.731	34,8	6.766
	TH Bình Sơn	11.686	114,8	11.801
	TH Suối Trầu	7.279	30,0	7.309
	TH Long An	11.449	116,0	11.565
	Trường TH Long Thành B	5.880	378,4	6.258
	Trường TH Cầu Xéo	10.299	590,4	10.890
	Trường TH Long Thành A	20.735	462,8	21.197
1.1.3	Khối Trung học cơ sở	64.469	1.452,8	65.922
	Long Thành	18.686	328,7	19.015
	N.Đức Ứng	21.406	242,1	21.649
	Bình Sơn	8.707	439,4	9.147
	Suối Trầu	3.737	20,4	3.757
	Long An	9.219	196,4	9.416
	Lộc An	2.714	225,8	2.940

1.2	Chi Sự nghiệp giáo dục	13.877	754,0	14.631
	<i>Chi chuyển nguồn 2025 sang</i>	0	754,0	754
1.3	Đào tạo	2.273	15,3	2.287,8
	- Trung tâm Chính trị	2.273	15,3	2.287,8
	<i>QLNN (Biên chế)</i>	<i>635</i>	<i>-38,5</i>	<i>596,0</i>
	<i>Hoạt động QLNN</i>	<i>288</i>	<i>0</i>	<i>288,0</i>
	<i>Thưởng theo ND 73</i>	<i>0,0</i>	<i>38,5</i>	<i>38,5</i>
	<i>Hỗ trợ tết</i>	<i>0,0</i>	<i>4,8</i>	<i>4,8</i>
	<i>Chi khác</i>	<i>0,0</i>	<i>10,5</i>	<i>10,5</i>
	- Đào tạo	1.350	0	1.350,0
2	Chi sự nghiệp Khoa học - công nghệ	199	0	199
3	Chi An ninh - Quốc phòng	12.940	1.101	14.042
	- Chi An ninh	5.252	150,4	5.402
	- Chi quốc phòng	7.689	951	8.640
4	Chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình	0	6.113	6.113
	- QLNN (Biên chế)	0	5.480	5.480
	- Phụ cấp y tế thôn bản, CTV dân số,...	0	594	594
	- Hỗ trợ tết	0	36	36
	- Chi khác	0	3,1	3,1
5	Chi sự nghiệp Văn hóa Thông tin	50	88,8	138,8
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	30	389	419
7	Chi sự nghiệp Thể dục thể thao	50	359	409
8	Chi sự nghiệp Môi trường	21.223	688	21.911
9	Chi sự nghiệp Giao thông	2.100	44	2.144
10	Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính	13.760	183	13.943
11	Các hoạt động Kinh tế	3.166	0	3.166
12	Chi quản lý hành chính	29.905	6.338	36.243
12.1	Khối Đảng	5.659	2.199	7.858
	- VP Đảng ủy	5.659	2.199	7.858
	<i>QLNN (Biên chế)</i>	<i>3.608</i>	<i>-176</i>	<i>3.432</i>
	<i>Hoạt động QLNN</i>	<i>1.355</i>	<i>0</i>	<i>1.355</i>
	<i>Thưởng theo ND 73</i>	<i>0</i>	<i>192</i>	<i>192</i>
	<i>Hỗ trợ tết</i>	<i>0</i>	<i>26,4</i>	<i>26,4</i>
	<i>Không chuyên trách phường</i>	<i>255</i>	<i>0</i>	<i>255</i>
	<i>Chi phụ cấp cấp ủy</i>	<i>261</i>	<i>0</i>	<i>261</i>
	<i>Hoạt động chung</i>	<i>180</i>	<i>550</i>	<i>730</i>
	<i>Kinh phí thu thập chỉnh lý số hóa tài liệu</i>	<i>0</i>	<i>1.607</i>	<i>1.607</i>
12.2	Khối MTTQ và các tổ chức XH	3.741	425	4.166
	<i>QLNN (Biên chế)</i>	<i>2.495</i>	<i>-143,5</i>	<i>2.352</i>
	<i>Hoạt động QLNN</i>	<i>936</i>	<i>0</i>	<i>936</i>
	<i>Thưởng theo ND 73</i>	<i>0</i>	<i>144</i>	<i>144</i>
	<i>Hỗ trợ tết</i>	<i>0</i>	<i>18</i>	<i>18</i>

	<i>Không chuyên trách phường</i>	310	0	310
	<i>Kinh phí hội trại tòng quân</i>	0	245	245
	<i>Kinh phí hoạt động hè của Đoàn thanh niên</i>	0	161	161
12.3	Khối Chính quyền	20.505	3.715	24.220
	- VP HĐND-UBND	11.034	-626	10.408
	<i>QLNN (Biên chế)</i>	3.248	-202	3.046
	<i>Hoạt động QLNN</i>	1.368	0	1.368
	<i>Thưởng theo ND 73</i>	0	202	202
	<i>Hỗ trợ tết</i>	0	284,4	284,4
	<i>Không chuyên trách phường</i>	175,5	0	175,5
	<i>Không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động ở khu phố</i>	3.146,2	0	3.146,2
	<i>Hoạt động tổ nhân dân theo Nghị quyết 17/2017/NQ-HĐND</i>	1.713,6	-1.713,6	0
	<i>Hoạt động trưởng đoàn thể ấp theo Nghị quyết 32/2023/HĐND</i>	388,8	-388,8	0
	<i>Hoạt động trưởng đoàn thể khu phố theo Nghị quyết 39/2025/HĐND</i>	0,0	642	642
	<i>Hoạt động chung Văn phòng HĐND-UBND</i>	994	550	1.544
	- Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	3.481	1.059	4.540
	<i>QLNN (Biên chế)</i>	2.197	251	2.448
	<i>Hoạt động QLNN</i>	1.042	343	1.385
	<i>Thưởng theo ND 73</i>	0	137	137
	<i>Không chuyên trách phường</i>	242	0	242
	<i>Hỗ trợ tết</i>	0	22,8	22,8
	<i>Kinh phí thống kê đất đai</i>	0	120,5	120,5
	<i>Kinh phí lễ phát động tết trồng cây</i>	0	32,0	32,0
	<i>Kinh phí phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm</i>	0	153,0	153,0
	- Phòng Văn hóa - Xã hội	2.748	3.192,4	5.940
	<i>QLNN (Biên chế)</i>	1.890	-107	1.783
	<i>Hoạt động QLNN</i>	779	0	779
	<i>Thưởng theo ND 73</i>	0	107	107
	<i>Hỗ trợ tết</i>	0	14,4	14,4
	<i>Không chuyên trách phường</i>	79		79
	<i>Kinh phí phục vụ công tác bầu cử</i>	0	2.803	2.803
	<i>Kinh phí in lấy phiếu thành lập phường</i>	0	23	23
	<i>Khen thưởng</i>	0	427	427
	<i>Kinh phí tổ chức lễ công bố thành lập phường</i>	0	679	679
	<i>Giảm chi chuyển nguồn 341</i>	0	-754	-754
	- Trung tâm phục vụ hành chính công	1.994	11,0	2.005
	<i>QLNN (Biên chế)</i>	1.155	-57,8	1.097
	<i>Hoạt động QLNN</i>	648	0	648

	<i>Thưởng theo ND 73</i>	0	58	58
	<i>Hỗ trợ tết</i>	0	10,8	11
	<i>Không chuyên trách phường</i>	191	0	191
	- Trung tâm dịch vụ tổng hợp	1.248	77,8	1.326
	<i>QLNN (Biên chế)</i>	573	-42	531
	<i>Hoạt động QLNN</i>	675	0	675
	<i>Thưởng theo ND 73</i>	0	42	42
	<i>Hỗ trợ tết</i>	0	4,8	5
	<i>Hội trại tổng quân</i>	0	49	49
	<i>Kinh phí tổ chức tuyên truyền các ngày lễ</i>	0	24	24
13	Chi đảm bảo xã hội	20.386	15.472	35.858
	<i>BTXH, chúc thọ, người có uy tín,</i>	20.386	4.032	24.418
	<i>Chính sách Người có công với CM</i>	0	11.440	11.440
	<i>Tiền tết hộ nghèo</i>		0	0
14	Chi khác ngân sách	15.970	33.349	49.320
	Chi khác ngân sách	15.970	33.349	49.320
15	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên			
III	Dự phòng	13.921	-1.956	11.965
IV	Nguồn CCTL		37.233	37.233
B	Chi ngoài cân đối		0	
1	Chi đầu tư XD CB			
2	Chi quản lý qua Ngân sách			

